TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2019
V/v xác nhận con cho cha

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc xác nhận con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quang Tr; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Ng; nơi ĐKHKTT: Xóm 1, thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; hiện ở tại: Số 6 đường Diên Bình 1, tổ 011, phường G, khu H, thành phố K, Đài Loan; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh LI, E (LEE, CHIA-SHENG); nơi cư trú: Số 6 đường Diên Bình 1, tổ 011, phường G, khu H, thành phố K, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Quang Tr trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Ng lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã ly hôn năm 2016. Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị Ngân chung sống với nhau và có một con chung đã đăng ký khai sinh là Trần Quang Vỹ, sinh ngày 02/7/2008, còn cháu Phạm Na Vi, sinh ngày 09/8/2014 chị Ngân cho rằng không phải là con đẻ của anh nên khi ly hôn trong quyết định thể hiện anh chị chỉ có một con chung. Nhưng thực tế

cháu Phạm Na Vi sinh ra trong thời gian anh chị chung sống, nên cháu Phạm Na Vi là con gái anh. Vì vậy anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định cháu Phạm Na Vi là con đẻ của anh để đảm bảo quyền lợi cho anh và cháu.

Chị Phạm Thị Ng trình bày: Chị và anh Trần Quang Tr lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh chị ly hôn năm 2016. Anh chị có một con chung là cháu Trần Quang Vỹ, sinh ngày 02/7/2008 ; còn cháu Phạm Na Vi, sinh ngày 09/8/2014 mặc dù sinh ra trong thời kỳ chị và anh Trần Quang Tr chưa ly hôn nhưng cháu không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr mà là con của chị với anh Li, E, sinh ngày 12/01/1982, quốc tịch Đài Loan. Chị và anh Li, E kết hôn vào ngày 12/10/2017 tại UBND huyện F, thành phố Hải Phòng. Nay anh Trần Quang Tr đề nghị xác định cháu Phạm Na Vi là con đẻ của anh Trần Quang Tr, chị không đồng ý với ý kiến của anh Trần Quang Tr. Anh Li, E và cháu Phạm Na Vi đã tiến hành giám định gen, kết quả giám định gen thể hiện cháu Phạm Na Vi là con đẻ của anh Li, E. Việc cháu Phạm Na Vi là con của anh Li, E đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo Quyết định số 27/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2017. Ngày 20/12/2018 anh Li, E có gửi Đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Đơn này đúng là chữ viết và chữ ký của anh Li, E, vì hiện nay chị và anh Li, E vẫn chung sống với nhau.

Anh Li, E có đơn đề nghị ngày 20/12/2018 gửi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, anh có quan điểm: Mặc dù cháu Phạm Na Vi, sinh ngày 09/8/2014 được sinh ra trong thời gian chị Phạm Thị Ng là vợ hợp pháp của anh Trần Quang Tr nhưng thực tế cháu Phạm Na Vi là con đẻ của anh và chị Phạm Thị Ng. Anh đã làm giám định ADN, kết quả giám định thể hiện cháu Phạm Na Vi và anh Li, E có quan hệ huyết thống. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị Phạm Thị Ng nhận các thông báo, quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Ng vẫn giữ nguyên lời trình bày đề nghị Tòa án xác định cháu Phạm Na Vi không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr. Anh Trần Quang Tr và anh Li, E vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử , các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng chị Ngân khai sinh cho cháu Phạm Na Vi mang họ mình (họ Phạm), tại mục họ tên người cha ghi LI, E. Tại trích lục bản án ly hôn của chị Ngân và anh Trung, về con chung chỉ thể hiện có 01 con chung là cháu Trần Quang Vỹ, sinh ngày 02/7/2008. Lời khai của bị đơn là chị Ngân, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh LI, E đều thừa nhận cháu Phạm Na Vi là con chung của chị Ngân và anh LI, E. Căn cứ kết quả xét nghiệm AND ngày 25/9/2017 của Trung tâm phân tích AND và Công nghệ di truyền cho kết quả: Cháu Phạm Na Vi là con của anh LI, E và chị Phạm Thị Ng; Kết luận giám định số 01/2019/GĐSH ngày 07/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải

Phòng kết luận: Anh Trung không phải là bố đẻ của cháu Phạm Na Vi. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định cháu Phạm Na Vi không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định cháu Vi là con đẻ của anh Trung. Đề nghị HĐXX không cấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Quang Tr, xác định cháu Phạm Na Vi không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr mà là con đẻ của anh LI, E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Quang Tr có đơn đề nghị xác định cháu Phạm Na Vi, sinh ngày 09/8/2014 là con của anh và chị Phạm Thị Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 1, thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng và hiện chị đang sinh sống tại Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án "Xác định con cho cha", theo khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Quang Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Li, E vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Theo anh Trần Quang Tr trình bày: Do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên anh và chị Phạm Thị Ng đã ly hôn vào năm 2016. Cháu Phạm Na Vi, sinh ngày 09/8/2014 là sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, nên cháu Phạm Na Vi là con gái của anh. Tuy nhiên, bị đơn là chị Phạm Thị Ng khẳng định cháu Phạm Na Vi mặc dù được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh Trần Quang Tr nhưng thực tế cháu không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr mà là con đẻ của chị và anh Li, E là chồng hiện tại của chị ở Đài Loan. Chị đề nghị Tòa án xác định cháu Phạm Na Vi không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr.

[4] Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2016/HNGĐ-ST ngày 27/6/2016 về việc ly hôn giữa chị Phạm Thị Ng và anh Trần Quang Tr đã quyết định: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ng được ly hôn anh Trần Quang Tr. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Quang Vỹ, sinh ngày 02/7/2008 cho chị Ngân nuôi dưỡng, chăm sóc. Như vậy, tại Bản án trên chỉ thể hiện giữa chị Phạm Thị Ng và anh Trần Quang Tr có một con chung. Ngày 28/12/2018 anh Trần Quang Tr có đơn đề nghị trưng cầu giám định gen giữa anh và cháu Phạm Na Vi. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành trưng cầu giám định gen giữa anh Trần Quang Tr và cháu Phạm Na Vi tại Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng. Tại Kết luận giám định số 01/2019/GĐSH ngày 07/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận anh Trần Quang Tr không phải là bố đẻ của cháu Phạm Na Vi. Mặt khác chị

Phạm Thị Ng có cung cấp Kết quả xét nghiệm ADN ngày 25/9/2017 của Trung tâm phân tích ADN &công nghệ di truyền tại Hà Nội thể hiện cháu Phạm Na Vi là con của anh Li, E và chị Phạm Thị Ng. Anh Li, E cũng có quan điểm khẳng định cháu Phạm Na Vi là con đẻ của anh và chị Phạm Thị Ng.

[5] Như vây, từ những tài liệu chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định cháu Phạm Na Vi không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr mà là con đẻ của anh Li, E, căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang Tr.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quang Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang Tr, cháu Phạm Na Vi, sinh ngày 09/8/2014 không phải là con đẻ của anh Trần Quang Tr và chị Phạm Thị Ng mà là con đẻ của anh LI, E và chị Phạm Thị Ng.

2. Về án phí: Anh Trần Quang Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm , anh Trung được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010949 ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trung đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ng được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quang Tr quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; anh Li, E được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà